

Số: 22/2024/NQ-HĐND

Long An, ngày 07 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện
bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 3193/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 1162/BC-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các vùng biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến vùng biên giới đất liền được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc thực hiện

- Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Địa bàn bố trí ổn định dân cư bảo đảm phù hợp với các quy hoạch theo quy định của pháp luật.

- Sắp xếp, ổn định dân cư phải trên cơ sở tự nguyện của người dân đến vùng biên giới đất liền, phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, an sinh xã hội, đảm bảo an toàn cho người dân.

- Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này để xây dựng nhà ở, lương thực, nước sinh hoạt.

- Khuyến khích thực hiện sắp xếp, bố trí dân cư trên địa bàn huyện. Trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, phải có sự thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi hộ dân đi và nơi hộ dân đến.

- Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng quy định.

4. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây dựng nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung): Hỗ trợ trực tiếp 75 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất: Về tập huấn, chuyên giao kỹ thuật, giống, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của người dân, cộng đồng vùng biên giới: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

c) Hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm: Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư, đặc biệt với những hộ không đảm bảo quỹ đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống: Định mức hỗ trợ áp dụng thực hiện theo quy định danh mục nghề đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp,

đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Long An. Mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Nguồn vốn thực hiện

- Ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

6. Trường hợp trên cùng địa bàn có nhiều mức kinh phí hỗ trợ theo từng đối tượng, dự án, nội dung của Chương trình bố trí dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì xem xét, áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất, tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân ổn định cuộc sống.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Đối với các trường hợp phát sinh từ ngày 18 tháng 5 năm 2022 đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát danh sách, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thống nhất phương án giải quyết phù hợp, đảm bảo quyền lợi của người dân.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X kỳ họp thứ 20 (kỳ họp chuyên đề) năm 2024 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2024.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VPCP (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT).

(137)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được